

KHAI THÁC VNeID TRONG QUẢN TRỊ ĐÔ THỊ TẠI ĐỊA BÀN PHƯỜNG

AN THỊ NGỌC LAN *

Bài viết phân tích việc khai thác VNeID trong quản trị đô thị tại phường từ góc nhìn kiểm soát quyền lực dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bằng phương pháp nghiên cứu luật học, phân tích chính sách và so sánh chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, bài viết làm rõ VNeID không chỉ hỗ trợ định danh, xác thực và cung ứng dịch vụ công mà còn mở rộng khả năng tiếp cận, đối chiếu, lưu giữ và chia sẻ dữ liệu cá nhân ở cấp thực thi. Đồng thời, nhận diện các rủi ro về truy cập quá mức, sao chép ngoài hệ thống, sai lệch mục đích, dữ liệu cá nhân nhạy cảm và loại trừ số; từ đó, đề xuất cơ chế kiểm soát phân định theo thẩm quyền của trung ương, chính quyền cấp tỉnh và chính quyền phường.

Từ khóa: VNeID; quản trị đô thị; chính quyền phường; dữ liệu cá nhân; cấp tỉnh.

This article examines the use of VNeID in urban governance at the ward level from the perspective of data power control and personal data protection. Using legal research, policy analysis, and a selective comparison of international experience, the article demonstrates that VNeID not only supports digital identification, authentication, and the provision of public services but also expands the capacity to access, verify, store, and share personal data at the implementation level. It further identifies risks associated with excessive data access, unauthorized copying of data outside the system, misuse of personal data, the processing of sensitive personal data, and digital exclusion. Based on these findings, the article proposes a control mechanism that clearly delineates responsibilities among the central government, provincial governments, and ward-level authorities.

Keywords: VNeID; urban governance; ward-level government; personal data; provincial government.

NGÀY NHẬN: 12/5/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 28/6/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 08/7/2026

Email: anthingoclan@tdtu.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.366.2026.1588>

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số trong khu vực công đang chuyển nền tảng vận hành của quản trị nhà nước từ hồ sơ giấy, tiếp xúc trực tiếp và dữ liệu phân tán sang định danh điện tử, dữ liệu liên thông và xác thực số. Trong tiến trình đó, VNeID không chỉ là ứng dụng di động để xuất trình giấy tờ điện tử mà là một thành tố của hệ sinh thái định danh và xác thực điện tử

phục vụ thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, giao dịch điện tử và các tiện ích số (Thủ tướng Chính phủ, 2022, 2026). Khi đi vào quản trị đô thị tại phường, VNeID có thể làm tăng năng lực phục vụ của chính quyền cơ sở; đồng thời, đặt ra yêu cầu kiểm soát cách thức quyền lực công tiếp cận và sử dụng dữ liệu cá nhân.

* ThS, Trường Đại học Tôn Đức Thắng

Cách tiếp cận này phù hợp với quan niệm về quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả, gắn hiệu lực quản lý với công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và đáp ứng kỳ vọng của người dân (Nguyễn Bá Chiến & Lê Hải Bình, 2024).

Trên cơ sở sử dụng phương pháp nghiên cứu luật học để phân tích *Hiến pháp* năm 2013, *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân* năm 2025, *Luật Dữ liệu* năm 2024, *Luật Tổ chức chính quyền địa phương* năm 2025, Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ và các văn bản định hướng về VNeID; đồng thời, kết hợp phân tích chính sách và so sánh chọn lọc kinh nghiệm Liên minh châu Âu (EU), Estonia, Singapore và Ấn Độ (bốn trường hợp này được lựa chọn vì gọi mở về tối thiểu hóa dữ liệu, truy vết khai thác dữ liệu, tích hợp dịch vụ định danh số và cảnh báo rủi ro của định danh số quy mô lớn), bài viết nghiên cứu bảo vệ dữ liệu cá nhân trong khai thác VNeID tại phường và coi đây là yêu cầu kiểm soát quyền lực dữ liệu ở cấp thực thi.

2. VNeID trong quản trị đô thị tại địa bàn phường

Theo *Luật Tổ chức chính quyền địa phương* năm 2025, phường là đơn vị hành chính ở đô thị thuộc cấp xã, cùng với xã và đặc khu (Quốc hội, 2025). Vì vậy, bài viết không tiếp cận phường như một cấp hành chính độc lập hoặc một chủ thể có chế độ pháp lý riêng về dữ liệu cá nhân. Điểm khác biệt của phường nằm ở bối cảnh đô thị của hoạt động thực thi: mật độ cư trú cao, dân cư biến động, quan hệ xã hội phân tán, nhu cầu dịch vụ công thường xuyên và số lượng điểm chạm dữ liệu lớn hơn không gian nông thôn truyền thống.

Theo kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024, dân số Việt Nam tại thời điểm ngày 01/4/2024 là 101.112.656 người, trong đó dân số thành thị là 38.599.637 người, chiếm 38,2%; tốc độ tăng dân số bình quân năm của khu vực thành thị giai đoạn 2019 - 2024 đạt 3,06%/năm, cao hơn mức 2,02% của giai đoạn 2014 - 2019 (Tổng cục Thống kê, 2025). Bộ Xây

dựng công bố tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc năm 2024 đạt 44,3% (Bộ Xây dựng, 2024). Các dữ kiện này cho thấy, môi trường đô thị đang mở rộng về quy mô cư trú, cường độ dịch vụ và áp lực tổ chức thực thi tại cơ sở.

VNeID là ứng dụng định danh quốc gia và là một kênh sử dụng tài khoản định danh điện tử, giấy tờ số, tiện ích định danh và xác thực. Hệ thống định danh và xác thực điện tử là hạ tầng kỹ thuật - pháp lý phục vụ định danh, xác thực, kết nối và chia sẻ theo quy định. Dữ liệu dân cư thuộc cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; dữ liệu chuyên ngành có quy chế quản lý riêng. Do đó, “khai thác VNeID” được hiểu là việc cơ quan, cán bộ, công chức phường sử dụng tài khoản định danh điện tử, giấy tờ số, kết quả xác thực hoặc thông tin được chia sẻ hợp pháp qua hệ thống để thực hiện nhiệm vụ công; không đồng nghĩa với quyền truy cập trực tiếp, toàn diện vào toàn bộ dữ liệu của VNeID hoặc các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Theo đó, VNeID có ba giá trị chính đối với quản trị đô thị tại phường: hỗ trợ xác thực nhân thân, nơi cư trú và tình trạng pháp lý cơ bản của người dân; góp phần chuyển hoạt động quản trị từ xử lý hồ sơ giấy sang xử lý dựa trên dữ liệu và mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ công, phúc lợi đô thị cho người dân. Tuy nhiên, cũng chính các giá trị này làm xuất hiện giới hạn pháp lý cần được nhận diện rõ. Quyền lực dữ liệu được hiểu là khả năng của cơ quan công quyền và người thực thi công vụ trong việc tiếp cận, xác thực, kết nối, trích xuất, lưu giữ, chia sẻ hoặc sử dụng dữ liệu cá nhân để thực hiện nhiệm vụ công. Đồng thời, phải được kiểm soát bằng căn cứ pháp lý, giới hạn mục đích, tối thiểu hóa dữ liệu, phân quyền truy cập, nhật ký hệ thống, kiểm tra nội bộ và trách nhiệm giải trình. Điều 21 *Hiến pháp* năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình; Điều 3 *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân* năm 2025 đặt ra các nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền của chủ thể dữ liệu và trách nhiệm của bên kiểm soát dữ liệu cá

nhân, bên xử lý dữ liệu cá nhân và bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân.

Từ đó có thể phân định trách nhiệm theo ba tầng: trung ương chịu trách nhiệm về chính sách, kiến trúc nền tảng, tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn hệ thống và quy định kết nối; cấp tỉnh chịu trách nhiệm tích hợp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hướng dẫn nghiệp vụ và giám sát; chính quyền phường là điểm cuối thực thi, chịu trách nhiệm về việc cán bộ, công chức sử dụng kết quả định danh, xác thực, giấy tờ số hoặc dữ liệu được chia sẻ trong từng quan hệ hành chính cụ thể với người dân.

3. Rủi ro bảo vệ dữ liệu cá nhân trong thực thi tại phường

Thứ nhất, nguy cơ truy cập dữ liệu vượt quá phạm vi công vụ. Khi giải quyết hồ sơ, xác thực cư trú, kiểm tra điều kiện hưởng chính sách hoặc hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến, cán bộ, công chức phường có thể cần tiếp cận một số thông tin nhất định. Tuy nhiên, nếu quyền truy cập không được giới hạn theo vị trí việc làm, nhiệm vụ, hồ sơ và thời điểm xử lý, việc tiếp cận dữ liệu dễ vượt quá nhu cầu cần thiết, như: tra cứu thông tin người quen, xem dữ liệu vì tò mò hoặc dùng thông tin công vụ cho mục đích ngoài công vụ.

Thứ hai, nguy cơ sao chép và lưu giữ dữ liệu ngoài hệ thống chính thức. Chuyển đổi số về nguyên tắc phải làm giảm bản sao giấy và giảm yêu cầu người dân nộp lại thông tin. Nhưng ở cấp thực thi, áp lực xử lý nhanh có thể dẫn đến các cách làm tiện lợi nhưng rủi ro, như: nhận ảnh giấy tờ tùy thân qua ứng dụng nhắn tin, chụp màn hình thông tin, lập bảng Excel, in danh sách hoặc chuyển dữ liệu qua nhóm trao đổi không chính thức hoặc không được kiểm soát.

Thứ ba, nguy cơ dịch chuyển mục đích xử lý dữ liệu. Các lĩnh vực cư trú, an sinh, trật tự đô thị, phản ánh hiện trường, y tế cộng đồng, hộ kinh doanh và quản lý chung cư thường liên hệ với nhau. Dữ liệu cư trú dùng để xác định điều kiện hưởng chính sách không thể mặc

nhien trở thành căn cứ cho hoạt động kiểm tra hành chính khác nếu không có cơ sở pháp lý; thông tin của người phản ánh hiện trường không thể bị tiết lộ cho người bị phản ánh.

Thứ tư, rủi ro từ nhiều ứng dụng, nền tảng hoặc kênh tương tác số riêng của địa phương. Nếu mỗi địa phương, ngành hoặc lĩnh vực hình thành một ứng dụng riêng, yêu cầu người dân đăng nhập nhiều tài khoản, cung cấp lại thông tin và chấp nhận nhiều điều kiện xử lý dữ liệu khác nhau, dữ liệu cá nhân sẽ bị phân tán qua nhiều điểm thu thập, còn trách nhiệm giải trình trở nên khó xác định.

Thứ năm, rủi ro đối với dữ liệu cá nhân nhạy cảm trong các chính sách phúc lợi đô thị. Các chương trình khám sức khỏe cộng đồng, tầm soát bệnh, chi trả trợ cấp hoặc hỗ trợ nhóm yếu thế có thể cần xác thực danh tính, nơi cư trú hoặc điều kiện hưởng lợi. VNeID có thể hỗ trợ bước xác thực này nhưng không vì vậy mà chính quyền phường có quyền tiếp cận rộng rãi đối với dữ liệu sức khỏe, bệnh án, kết quả tầm soát, hoàn cảnh gia đình hoặc thông tin an sinh, hoàn cảnh cá nhân. Vai trò phù hợp của chính quyền phường nên được giới hạn ở truyền thông, hướng dẫn, xác nhận điều kiện hành chính và điều phối tiếp cận dịch vụ.

Thứ sáu, nguy cơ loại trừ số và suy giảm quyền tự chủ dữ liệu. Khi VNeID trở thành cửa ngõ thường xuyên của dịch vụ công, người cao tuổi, người khuyết tật, lao động nhập cư, người nghèo hoặc người thiếu thiết bị và kỹ năng số có thể phải nhờ người khác đăng nhập, nhận mã OTP, chụp giấy tờ hoặc thao tác thay. Do đó, hỗ trợ số phải là một quy trình công vụ có bảo mật, giới hạn trách nhiệm, hướng dẫn rõ ràng và kênh thay thế.

4. Kinh nghiệm quốc tế và gợi mở cho Việt Nam

Kinh nghiệm quốc tế được sử dụng trong bài viết theo cùng một khung so sánh, gồm: mô hình định danh số, cơ chế giới hạn dữ liệu, khả năng truy vết của người dân, kênh thay thế hoặc khiếu nại và điều kiện áp dụng. Với

khung này không phải là sao chép mô hình nước ngoài mà là nhận diện những nguyên tắc có thể tham khảo khi Việt Nam mở rộng VNeID vào quản trị đô thị.

(1) Liên minh châu Âu (EU) phát triển Ví định danh số theo hướng người dân và doanh nghiệp có thể sử dụng giấy tờ số, ký điện tử và tiếp cận dịch vụ công, dịch vụ tư, nhưng vẫn duy trì quyền kiểm soát đối với thông tin của mình. Cùng với đó, GDPR thiết lập các nguyên tắc nền tảng, như: xử lý hợp pháp, công bằng, minh bạch, giới hạn mục đích, tối thiểu hóa dữ liệu, bảo đảm chính xác, giới hạn lưu trữ, an toàn và trách nhiệm giải trình (European Commission, 2026; European Union, 2016).

(2) Estonia đem lại gợi ý về minh bạch hóa hoạt động khai thác dữ liệu. Thông qua Data Tracker, người dân có thể kiểm tra các thao tác liên quan đến dữ liệu của mình trên cổng dịch vụ của Nhà nước, qua đó, chuyển minh bạch từ nguyên tắc chung thành khả năng giám sát cụ thể của chủ thể dữ liệu (Estonian Information System Authority, 2026). Giá trị tham khảo đối với Việt Nam là tư duy thiết kế cơ chế truy vết dữ liệu ngay từ cấp nền tảng: cần có nhật ký truy cập thống nhất, phân loại dữ liệu và thao tác có thể hiển thị cho người dân; đồng thời, loại trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước, an ninh, điều tra hoặc trường hợp hạn chế tiếp cận theo luật định. Về dài hạn, VNeID có thể phát triển thêm chức năng để người dân biết, kiểm tra và phản ánh về lịch sử khai thác dữ liệu cá nhân trong phạm vi phù hợp với yêu cầu bảo mật, quản lý nhà nước và bảo vệ quyền của chủ thể dữ liệu.

(3) Singapore cho thấy, khả năng tích hợp định danh số vào dịch vụ công và dịch vụ tư với mức độ thuận tiện cao. Với Singpass, cá nhân có thể sử dụng một định danh số để truy cập nhiều dịch vụ; với Myinfo, một số thông tin đã được cơ quan xác thực có thể được tự động điền và chia sẻ khi người dùng thực hiện giao dịch, qua đó, giảm việc khai báo lặp lại, hạn chế sai sót và rút ngắn thời gian xử lý (Government Technology Agency of Singapore, 2026; World Bank and Government

Technology Agency of Singapore, 2022). Đối với Việt Nam, kinh nghiệm rút ra đó là tổ chức định danh số theo hướng thuận tiện có kiểm soát, nhất là trong bối cảnh năng lực thực thi ở cơ sở không đồng đều. Sự thuận tiện của người dùng phải đi kèm cơ chế đồng ý hoặc căn cứ xử lý hợp pháp, giới hạn phạm vi dữ liệu được chia sẻ, xác định rõ chủ thể tiếp nhận dữ liệu và trách nhiệm giải trình khi dữ liệu được sử dụng sai mục đích.

(4) Kinh nghiệm của Ấn Độ mang tính cảnh báo. Aadhaar là hệ thống định danh quy mô lớn, hỗ trợ xác thực danh tính và phân phối phúc lợi nhưng cũng tạo ra tranh luận về quyền riêng tư, giám sát, loại trừ xã hội và xu hướng bắt buộc hóa việc sử dụng định danh trong tiếp cận dịch vụ (Unique Identification Authority of India, 2025). Phán quyết của Tòa án Tối cao Ấn Độ năm 2018 duy trì tính hợp hiến của Aadhaar nhưng đồng thời đặt giới hạn đối với việc bắt buộc sử dụng Aadhaar ngoài mục đích luật định, đặc biệt trong quan hệ với khu vực tư nhân (Supreme Court of India, 2018).

5. Một số kiến nghị

Từ các phân tích trên cho thấy, kiểm soát quyền lực dữ liệu trong khai thác VNeID phải được tổ chức theo cơ chế nhiều tầng: chuẩn pháp lý - kỹ thuật ở trung ương, quy trình triển khai ở cấp tỉnh và kỷ luật công vụ tại chính quyền phường.

Thứ nhất, ở cấp trung ương, cần tiếp tục hoàn thiện chuẩn pháp lý - kỹ thuật cho hoạt động định danh, xác thực, kết nối, chia sẻ và ghi nhận nhật ký khai thác dữ liệu. Chủ thể chủ trì là Chính phủ, Bộ Công an và các cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống định danh và xác thực điện tử, dịch vụ công trực tuyến và khung pháp lý về dữ liệu. Nội dung cần ưu tiên là phân biệt rõ tài khoản định danh điện tử, dữ liệu dân cư, dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu được chia sẻ hợp pháp và dữ liệu do người dân tự xuất trình; đồng thời, xác lập chuẩn tối thiểu về mục đích xử lý, phân quyền, thời hạn lưu giữ, truy vết,

cảnh báo truy cập bất thường và cơ chế khiếu nại. Đây là điều kiện để chính quyền phường thực hiện đúng thẩm quyền mà không phải tự diễn giải phạm vi khai thác dữ liệu. Về dài hạn, VNeID cần trở thành một cấu phần của hệ sinh thái quản trị dữ liệu công có kiểm soát, trong đó người dân có khả năng biết hoặc kiểm tra lịch sử khai thác dữ liệu cá nhân ở mức phù hợp với yêu cầu bảo mật.

Thứ hai, ở cấp tỉnh, cần ban hành quy trình nghiệp vụ dùng chung cho các nhóm việc có sử dụng VNeID, tài khoản định danh điện tử hoặc kết quả xác thực điện tử trong thủ tục hành chính, an sinh, phản ánh đô thị, hỗ trợ y tế cộng đồng và cung ứng dịch vụ công. Chủ thể chủ trì là UBND cấp tỉnh và các sở, ngành có liên quan, như: tư pháp, nội vụ, công an, y tế, lao động - xã hội và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Quy trình này phải xác định rõ dữ liệu nào được sử dụng, cơ quan nào là bên kiểm soát, bên xử lý hoặc bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, chính quyền phường được xem, xác nhận hoặc tiếp nhận kết quả xác thực ở mức nào, trường hợp nào được trích xuất dữ liệu, ai phê duyệt và thời hạn lưu giữ bao lâu. Đồng thời, cấp tỉnh cần rà soát các ứng dụng đô thị địa phương theo nguyên tắc “một nguồn dữ liệu gốc đáng tin cậy, nhiều kênh phục vụ người dân”, tránh hình thành kho dữ liệu cá nhân song song, tránh yêu cầu người dân khai báo lại thông tin đã có thể xác thực qua VNeID và tránh làm phát sinh thêm chủ thể xử lý dữ liệu không rõ trách nhiệm.

Thứ ba, ở chính quyền phường, cần cụ thể hóa nguyên tắc đúng mục đích và tối thiểu hóa dữ liệu thành quy trình tại bộ phận một cửa và trong hoạt động phục vụ dân cư. Chủ thể chủ trì thực hiện là UBND phường, bộ phận một cửa, công chức xử lý hồ sơ và lực lượng hỗ trợ dịch vụ công số. Trong từng nhóm việc, chính quyền phường cần xác định loại dữ liệu cần sử dụng, người có quyền tiếp cận, thời điểm tiếp cận, khả năng trích xuất, thời hạn lưu giữ và cách hủy bỏ hoặc khóa dữ liệu khi không còn cần thiết. Khi xác nhận

điều kiện cư trú để thụ hưởng chính sách, cán bộ chỉ cần tiếp nhận kết quả xác nhận liên quan đến điều kiện đó, không cần tiếp cận toàn bộ lịch sử cư trú hoặc dữ liệu không phục vụ hồ sơ.

Thứ tư, cần thiết lập cơ chế phân quyền và nhật ký khai thác dữ liệu gắn với trách nhiệm cá nhân. Trong phạm vi được phân quyền, chính quyền phường cần áp dụng hoặc đề xuất ma trận quyền truy cập theo vị trí việc làm, nhóm nhiệm vụ và mức độ nhạy cảm của dữ liệu; không để mọi cán bộ, công chức đều có khả năng tiếp cận cùng một loại dữ liệu. Dữ liệu về sức khỏe, an sinh, trẻ em, người khuyết tật, hình ảnh camera, phản ánh hiện trường hoặc cư trú chi tiết phải có mức phân quyền chặt chẽ hơn dữ liệu hành chính thông thường. Mọi thao tác truy cập, trích xuất, in, chuyển, cập nhật hoặc sử dụng dữ liệu cá nhân cần được ghi nhận về người truy cập, thời điểm, loại dữ liệu, hồ sơ hoặc nhiệm vụ phục vụ và việc có trích xuất hay không. Nhật ký khai thác là điều kiện của trách nhiệm giải trình và là cơ sở để xác định trách nhiệm khi có vi phạm.

Thứ năm, cần bảo đảm minh bạch với người dân, kênh phản ánh và kênh thay thế cho nhóm yếu thế. Tại bộ phận một cửa và trên các kênh số của địa phương, chính quyền phường cần thông tin rõ dữ liệu nào được khai thác, phục vụ mục đích gì, có lưu lại hay không và người dân phản ánh ở đâu nếu bị yêu cầu nộp lại giấy tờ đã có trên VNeID hoặc nghi ngờ dữ liệu bị sử dụng sai mục đích. Việc hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, người lao động nhập cư, người nghèo hoặc người thiếu kỹ năng số phải tuân thủ quy tắc bảo mật: không yêu cầu đọc mật khẩu, mã OTP; không lưu ảnh giấy tờ trên thiết bị cá nhân; không chia sẻ thông tin qua kênh không chính thức; không thao tác thay trên tài khoản định danh nếu không có quy trình bảo vệ rõ ràng.

Thứ sáu, cần thay đổi nhận thức công vụ về dữ liệu cá nhân. Chuyển đổi số không chỉ là tích hợp dữ liệu, số hóa quy trình hoặc mua

sấm hệ thống mà còn đòi hỏi một chuẩn mực công vụ mới. Cán bộ, công chức cần nhận thức dữ liệu cá nhân không phải là tài liệu hành chính thông thường mà là thông tin gắn với nhân thân, đời sống riêng tư, phẩm giá và quyền của con người. Vì vậy, kiểm soát chính quyền địa phương trong môi trường số phải bao gồm kiểm soát quyền lực dữ liệu trong từng thao tác truy cập, khai thác, chia sẻ và lưu giữ thông tin về cư dân đô thị.

6. Kết luận

Khai thác VNeID trong quản trị đô thị tại phường là biểu hiện cụ thể của quá trình hiện đại hóa quản trị nhà nước ở cấp cơ sở. VNeID có thể giúp chính quyền phường xác thực nhân thân nhanh hơn, giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ công và hỗ trợ quản trị đô thị dựa trên dữ liệu. Tuy nhiên, đây là nơi dữ liệu cá nhân được sử dụng trong những quan hệ hằng ngày giữa chính quyền và cư dân đô thị, bảo vệ dữ liệu cá nhân phải được xem là điều kiện tổ chức thực thi, không chỉ là vấn đề kỹ thuật ở cấp nền tảng. Vì vậy, khai thác VNeID cần được đặt trong giới hạn luật pháp, trách nhiệm giải trình và văn hóa công vụ tôn trọng con người. Quyền riêng tư không phải là vật cản của chuyển đổi số, mà là nền tảng của niềm tin số; kiểm soát quyền lực dữ liệu là điều kiện để quản trị đô thị số phục vụ con người một cách hiện đại, hiệu lực và hiệu quả □

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Xây dựng (30/5/2026). Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của ngành Xây dựng. <https://baochinhphu.vn/tang-truong-nganh-xay-dung-cao-nhat-tu-nam-2020-den-nay-102241214114551547.htm>
- Chính phủ (2024). Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.
- Estonian Information System Authority (30/5/2026). Data Tracker. <https://www.ria.ee/en/state-information-system/people-centred-data-exchange/data-tracker>
- European Commission (30/5/2026). European Digital Identity. https://commission.europa.eu/topics/digital-economy-and-society/european-digital-identity_en
- European Union (2016). Regulation (EU) 2016/679 of the European Parliament and of the Council of 27 April 2016 (General Data Protection Regulation), Article 5.
- Government Technology Agency of Singapore (2026a). Myinfo. <https://www.singpass.gov.sg/main/individuals/myinfo>
- Government Technology Agency of Singapore (2026b). Singpass - For Individuals. <https://www.singpass.gov.sg/main/individuals/>
- Nguyễn Bá Chiến & Lê Hải Bình (2024). Quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- Nguyễn Đăng Dung, Châu Bảo Anh & An Thị Ngọc Lan (2026). Kiểm soát chính quyền địa phương. Nxb Công an nhân dân.
- Quốc hội (2013). Hiến pháp năm 2013.
- Quốc hội (2024). Luật Dữ liệu năm 2024.
- Quốc hội (2025a). Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025.
- Quốc hội (2025b). Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.
- Supreme Court of India (2018). Justice K. S. Puttaswamy (Retd.) and Another v. Union of India and Others (Aadhaar judgment).
- Thủ tướng Chính phủ (2022). Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.
- Thủ tướng Chính phủ (2026). Quyết định số 940/QĐ-TTg ngày 26/5/2026 phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045”.
- Tổng cục Thống kê (30/5/2026). Thông cáo báo chí: Kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024. <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-ket-qua-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-giua-ky-nam-2024/>
- Unique Identification Authority of India (2025). About UIDAI. <https://uidai.gov.in/en/about-uidai/unique-identification-authority-of-india.html>
- World Bank & Government Technology Agency of Singapore (2022). National digital identity and government data sharing in Singapore: A case study of Singpass and APEX. World Bank.